

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Ngọc Sinh	Chủ tịch
Ông Phạm Sĩ Tú	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Ông Lê Trung Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên độc lập không điều hành

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Linh Sơn	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Sinh	Giám đốc tài chính

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Sĩ Tú	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Bà Lương Thu Hoài	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)
Ông Lê Vũ Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Ngọc Sinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị; và
Ông Hoàng Linh Sơn	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Linh Sơn

Giám đốc

Ngày 17 tháng 03 năm 2026

23
T
H
OÀI
T

10
PK
U
11

Số: 031703/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-01
Ngày 17 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.564.843.159	52.545.334.935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.050.977.113	3.620.063.723
1. Tiền	111		20.050.977.113	3.620.063.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	10.649.132.000	42.569.560.308
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.388.825.938	3.854.650.808
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(839.693.938)	(135.090.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.100.000.000	38.850.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.809.124.357	6.274.016.698
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.696.699.861	2.687.325.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		274.453.664	28.319.489
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.837.970.832	5.497.772.300
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.939.400.704)
IV. Hàng tồn kho	140		27.920.000	44.109.000
1. Hàng tồn kho	141	V.5	27.920.000	44.109.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.689.689	37.585.206
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	27.689.689	37.585.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.432.704.946	18.531.784.690
I. Tài sản cố định	220		845.284.348	992.290.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	845.284.348	992.290.324
- Nguyên giá	222		1.396.047.727	1.396.047.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(550.763.379)	(403.757.403)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	17.271.041.673	16.861.320.771
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.082.000.000	23.082.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.810.958.327)	(6.220.679.229)
III. Tài sản dài hạn khác	260		316.378.925	678.173.595
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	316.378.925	678.173.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.997.548.105	71.077.119.625

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.656.920.812	17.592.083.417
I. Nợ ngắn hạn	310		11.594.297.061	10.750.626.865
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.663.778.675	1.449.862.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.892.439	323.804.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.005.013.271	678.954.523
4. Phải trả người lao động	314		7.489.619.211	6.843.596.752
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.397.061.869	1.418.476.977
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	35.300.000	35.300.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		631.596	631.596
II. Nợ dài hạn	330		7.062.623.751	6.841.456.552
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	7.062.623.751	6.841.456.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.340.627.293	53.485.036.208
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	55.340.627.293	53.485.036.208
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.988.425.086)	(54.002.346.171)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.844.016.171)	(60.991.642.053)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.855.591.085	6.989.295.882
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.997.548.105	71.077.119.625

Tạ Thị Tuyết Minh
 Người lập biểu

Tạ Thị Tuyết Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
 Giám đốc
 Ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	58.497.906.324	36.141.722.674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.497.906.324	36.141.722.674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.850.286.255	30.301.836.646
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.647.620.069	5.839.886.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.315.949.588	2.403.011.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	754.760.971	653.959.352
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.998.997.999	5.644.817.205
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.209.810.687	1.944.120.842
10. Thu nhập khác	31	VI.6	-	6.844.705.416
11. Chi phí khác	32	VI.7	1.864.976.325	6.613.393
12. Lợi nhuận khác	40		(1.864.976.325)	6.838.092.023
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.344.834.362	8.782.212.865
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	489.243.277	1.792.916.983
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.855.591.085	6.989.295.882



Tạ Thị Tuyết Minh
Người lập biểu



Tạ Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.344.834.362	8.782.212.865
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	147.005.976	36.751.494
Các khoản dự phòng	03	(1.644.518.168)	542.683.618
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	219.812.690	201.034.494
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.020.312.071)	(9.243.931.618)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(953.177.211)	318.750.853
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(6.979.504.472)	10.230.490.258
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	16.189.000	13.278.000
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	749.473.266	(843.981.323)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	371.690.187	(108.955.956)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(534.175.130)	(3.165.775.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(395.046.347)	(1.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.724.550.707)	4.993.806.024
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.069.041.818)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.000.000	6.911.096.053
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(43.500.000.000)	(69.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.250.000.000	54.360.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	364.109.588	1.920.967.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.154.109.588	(7.376.977.809)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	24.429.558.881	(2.383.171.785)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.620.063.723	6.017.953.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.354.509	(14.717.577)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.050.977.113	3.620.063.723

M. M. M.

M. M. M.



Tạ Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Tạ Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng

Hoàng Linh Sơn
Giám đốc
Ngày 17 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải "về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần". Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200344784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; và
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và hai công ty con.

Đơn vị	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Chi nhánh				
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO	Hải Phòng	98,64%	98,64%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực INLACO	Hải Phòng	98%	98%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 155 người (31 tháng 12 năm 2024 là 214 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty: Nhật ký chung.

2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200 và;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con, bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; các khoản phí bảo hiểm thuyền viên, chi phí sửa chữa văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay (Tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	213.375.026	481.652.714
Tiền gửi ngân hàng	19.837.602.087	3.138.411.009
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
Cộng	28.050.977.113	3.620.063.723

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất 3,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong
Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.030.441.100	1.776.300.000	254.141.100	-
Công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Đất xanh	1.004.504.500	671.180.000	333.324.500	-
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy	478.648.898	325.000.000	153.648.898	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	413.579.440	315.000.000	98.579.440	-
Công ty Cổ phần chứng khoán MB	33.600.000	109.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	843.384.608
Công ty Cổ phần tập đoàn Đất Xanh	-	-	-	585.877.500
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	-	-	357.213.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	428.052.000	580.320.000	-	428.052.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	1.640.123.700
Cộng	4.388.825.938	3.777.000.000	839.693.938	3.884.650.808
				1.742.755.000
				117.877.500
				17.213.000
				454.350.000
				38.850.555.000
				135.090.500

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ nhân với giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm trên sản chứng khoán của mã chứng khoán này.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hải Phòng	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hải Phòng	3.600.000.000	3.600.000.000	14.350.000.000	14.350.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hải Phòng	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	7.100.000.000	7.100.000.000	38.850.000.000	38.850.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng, lãi suất từ 3,3%/năm đến 7,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	9.224.433.612	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	1.052.705.873	457.000.000
Công ty TNHH MTV VTB Gemadept	1.232.603.340	1.649.863.354
Các khách hàng khác	1.186.957.036	580.462.259
Cộng	12.696.699.861	2.687.325.613
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	10.277.139.485	457.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược (i)	2.079.000.000	4.013.400.704
Tạm ứng	26.900.000	50.900.000
Phải thu khác	1.732.070.832	1.433.471.596
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	155.908.218	595.798.767
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	284.109.588	-
<i>Phải thu Bảo hiểm xã hội của thuyền viên</i>	1.125.092.451	663.371.240
<i>Phải thu khác</i>	166.960.575	174.301.589
Cộng	3.837.970.832	5.497.772.300
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	284.109.588	-

(i) Khoản ký quỹ tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc dân với số tiền ký quỹ là 2 tỷ đồng, có kỳ hạn 12 tháng, với lãi suất 5,8%/năm. Ngoài ra là các khoản đặt cọc thuê văn phòng, tiền điện, tiền thông tin liên lạc với các tàu.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	27.920.000	-	44.109.000	-
Cộng	27.920.000	-	44.109.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên, bảo hiểm xe ô tô	27.689.689	21.883.749
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4.908.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	10.793.457
Cộng	27.689.689	37.585.206

b. Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	281.220.930	544.826.743
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.157.995	133.346.852
Cộng	316.378.925	678.173.595

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	1.396.047.727	-	1.396.047.727
Số dư cuối năm	-	1.396.047.727	-	1.396.047.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	403.757.403	-	403.757.403
Khấu hao trong năm		147.005.976		147.005.976
Số dư cuối năm	-	550.763.379	-	550.763.379
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	992.290.324	-	992.290.324
Số dư cuối năm	-	845.284.348	-	845.284.348

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 367.005.909 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 367.005.909 đồng).

8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 97.929.100 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 97.929.100 đồng).

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng (*) VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng (*) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	1.744.700	17.447.000.000	(5.810.958.327)	1.744.700	17.447.000.000	(6.220.679.229)
Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực Inlaco	490.000	5.635.000.000	-	490.000	5.635.000.000	-
Cộng		23.082.000.000	(5.810.958.327)		23.082.000.000	(6.220.679.229)

(*) Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Inlaco dựa trên thông tin báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con này.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Ngọc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH thương mại Mê Linh	338.180.196	338.180.196	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	325.598.479	325.598.479	449.862.417	449.862.417
Cộng	1.663.778.675	1.663.778.675	1.449.862.417	1.449.862.417

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong
 Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	323.728.440		5.122.267.886		4.942.603.575		503.392.752	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.964.458		547.325.166		395.046.347		489.243.277	
Thuế thu nhập cá nhân	18.261.625		488.562.000		494.446.383		12.377.242	
Các loại thuế khác	-		4.000.000		4.000.000		-	
Cộng	678.954.523		6.162.155.052		5.836.096.305		1.005.013.271	

12. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	415.628.832		460.640.715	
Bảo hiểm xã hội	138.646.584		288.491.400	
Phải trả thuyền viên	710.427.963		531.986.372	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	132.358.490		137.358.490	
Cộng	1.397.061.869		1.418.476.977	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tầng 2 tòa nhà Piaggio, số 3 lô 28A Lê Hồng Phong
Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	35.300.000	35.300.000	-	-	35.300.000	35.300.000
Nguyễn Hoàng Sơn (*)	-	-	7.062.623.751	-	7.062.623.751	7.062.623.751
Tổng	35.300.000	35.300.000	7.062.623.751	-	7.097.923.751	7.097.923.751

(*) Theo thông báo số: 12823/2025/TB-TGDĐ12 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ngày 06 tháng 11 năm 2025, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam đã thực hiện việc bán khoản nợ, đồng thời chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ gốc: 267.756,90 USD của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài cho ông Nguyễn Hoàng Sơn.

14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	6.841.456.552	6.841.456.552	-	6.841.456.552	-	-
Cộng	6.841.456.552	6.841.456.552	-	6.841.456.552	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	61.003.910.000	47.158.330.000		(685.057.621)	10.200.000	(60.991.642.053)		46.495.740.326	
Lãi trong năm	-	-		-	-	6.989.295.882		6.989.295.882	
Số dư đầu năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000		(685.057.621)	10.200.000	(54.002.346.171)		53.485.036.208	
Dùng thặng dư vốn cổ phần bù lỗ lũy kế (*)	-	(47.158.330.000)				47.158.330.000		-	
Lãi trong năm	-	-		-	-	1.855.591.085		1.855.591.085	
Số dư cuối năm nay	61.003.910.000	-	-	(685.057.621)	10.200.000	(4.988.425.086)	-	55.340.627.293	-

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 32/INQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 09 năm 2025, các cổ đông của Công ty đồng ý thông qua việc sử dụng thặng dư vốn để bù đắp lỗ lũy kế theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê tàu ILC Friendship	762.446.875	762.446.875
Công ty Xuân Việt	454.333.631	454.333.631
Vitranchart QN	191.884.805	191.884.805
Chi nhánh công ty Xuân Việt	117.598.378	117.598.378
Cộng	1.526.263.689	1.526.263.689

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.497.906.324	36.141.722.674
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.373.353.329	-
Doanh thu cho thuê thuyền viên	35.155.231.464	35.315.948.131
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.500.000.000	750.000.000
Doanh thu bán vật liệu san lấp	20.123.121.465	-
Doanh thu cho thuê ô tô	300.000.000	75.000.000
Doanh thu khác	46.200.066	774.543
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.497.906.324	36.141.722.674
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	22.164.617.128	5.970.461.236

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ hàng hải	1.237.168.304	-
Giá vốn cho thuê thuyền viên	33.442.547.583	29.793.325.230
Giá vốn cho thuê văn phòng	992.625.911	465.422.379
Giá vốn bán vật liệu san lấp	19.965.656.285	-
Giá vốn cho thuê ô tô	166.088.106	42.314.494
Giá vốn khác	46.200.066	774.543
Cộng	55.850.286.255	30.301.836.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.940.312.071	1.921.125.025
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.233.983.562	478.101.177
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.653.955	3.785.169
Cộng	5.315.949.588	2.403.011.371
Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan	284.109.588	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng các khoản đầu tư	294.882.536	452.924.962
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	219.812.690	201.034.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.616.527	-
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	190.449.218	-
Cộng	754.760.971	653.959.352

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.965.711.820	3.384.075.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	415.115.993	562.712.209
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	15.522.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.512.079	914.791.855
Chi phí bằng tiền khác	726.058.811	677.957.235
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.939.400.704)	89.758.656
Cộng	2.998.997.999	5.644.817.205

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền bồi thường, hỗ trợ nhận được	-	6.831.069.053
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, vật tư	-	13.636.363
Cộng	-	6.844.705.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giải quyết vụ việc tàu Inlaco Brave bị giữ tại Chittag	1.855.638.178	-
Chi phí khác	9.338.147	6.613.393
Cộng	1.864.976.325	6.613.393

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	2.344.834.362	8.782.212.865
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	101.382.021	182.372.049
Các khoản điều chỉnh tăng	101.382.021	182.372.049
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, lãi chậm trả BHXH</i>	<i>8.882.021</i>	<i>6.613.393</i>
<i>Thu lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>92.500.000</i>	<i>86.000.000</i>
<i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi loại khi tính TNDN</i>	<i>-</i>	<i>89.758.656</i>
Thu nhập chịu thuế	2.446.216.383	8.964.584.914
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	489.243.277	1.792.916.983
Chi phí thuế TNDN hiện hành	489.243.277	1.792.916.983

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.245.076.589	1.122.213.827
Chi phí nhân công	36.387.015.995	32.787.875.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.005.976	36.751.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.098.386.471	1.190.631.042
Chi phí khác bằng tiền	945.543.642	809.182.168
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.939.400.704)	-
Cộng	38.883.627.969	35.946.653.851

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco

Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm có các giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.164.617.128	5.970.461.236
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	20.183.121.465	60.000.000
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	1.981.495.663	5.910.461.236
Cho vay	18.500.000.000	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	18.500.000.000	-
Thu hồi cho vay	18.500.000.000	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	18.500.000.000	-
Lãi cho vay	284.109.588	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	284.109.588	-

Số dư các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	10.277.139.485	457.000.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	9.224.433.612	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	1.052.705.873	457.000.000
Phải thu lãi cho vay	284.109.588	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực Inlaco	284.109.588	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị	534.500.000	614.500.000
Ông Vũ Ngọc Sinh - Chủ tịch HĐQT	95.500.000	88.500.000
Ông Phạm Sĩ Tú - Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)	24.000.000	88.500.000
Ông Hoàng Linh Sơn - thành viên HĐQT	95.500.000	88.500.000
Ông Nguyễn Văn Biên - thành viên HĐQT	95.500.000	88.500.000
Ông Lê Trung Hà - thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)	36.000.000	86.500.000
Bà Trịnh Thị Nga - thành viên HĐQT	95.500.000	88.000.000
Ông Nguyễn Bá Hải - thành viên HĐQT độc lập	92.500.000	86.000.000
Ban Giám đốc	1.174.775.000	1.120.450.000
Ông Hoàng Linh Sơn - Giám đốc	638.511.000	595.100.000
Ông Vũ Ngọc Sinh - Giám đốc tài chính	536.264.000	525.350.000
Ban Kiểm soát	96.000.000	55.500.000
Bà Nguyễn Thị Thư - Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)	47.000.000	55.500.000
Ông Phạm Sĩ Tú - Trưởng ban Kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2025)	49.000.000	-
Cộng	1.805.275.000	1.790.450.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



Tạ Thị Tuyết Minh
Người lập biểu



Tạ Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc
Ngày 17 tháng 03 năm 2026